

3— Thường xuyên cứ 15 ngày một lần trình sổ sách và các giấy tờ cần thiết cho Ngân hàng quốc gia Việt-nam hay cho cơ quan được Ngân hàng quốc gia Việt-nam ủy nhiệm để kiểm soát. Ngân hàng quốc gia Việt-nam hay cơ quan được Ngân hàng quốc gia Việt-nam ủy nhiệm có quyền kiểm soát bất thường mỗi lúc xét cần thiết.

Điều 5. — Cấm xuất nhập khẩu vàng, bạc, trừ trường hợp được Ngân hàng quốc gia Việt-nam cho phép.

Điều 6. — Cấm dùng vàng, bạc thay tiền để mua, bán hay thanh toán các món nợ

Điều 7. — Cấm tàng trữ và lưu hành tất cả các loại tiền hoa (xóc) trừ ở vùng đồng bào thiểu số sẽ có quy định riêng.

Điều 8. — Những người làm trái nghị định này, tùy theo tội nặng nhẹ, sẽ bị xử phạt theo một hay nhiều hình thức dưới đây:

1— Phê bình, cảnh cáo.

2— Nếu phạm vào các điều 2, 3, 5, 6, 7 thì sẽ bị phạt tiền bằng số từ 30% đến 50% trị giá số vàng bạc mua bán, chuyên vận, sử dụng trái pháp; trường hợp nặng có thể bị tịch thu một phần hay toàn bộ số vàng bạc này. Nếu phạm vào điều 4 thì sẽ bị phạt tiền bằng số từ 10% đến 20% số vốn kinh doanh và có thể bị đình chỉ kinh doanh có thời hạn hay vĩnh viễn.

3— Nếu phạm pháp nhiều lần, phạm pháp một cách nghiêm trọng thì có thể bị truy tố trước Tòa án.

Điều 9. — Những người đã tố cáo và giúp đỡ cơ quan có trách nhiệm bắt được những vụ phạm pháp sẽ được thưởng từ 10% đến 30% số tiền phạt và từ 10% đến 30% số tiền bán vàng bạc tịch thu.

Điều 10. — Việc xử lý những vụ phạm pháp về vàng bạc do Ngân hàng Quốc gia Việt-nam phụ trách.

Điều 11. — Những điều khoản về quản lý vàng bạc trong các văn bản ban hành trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 12. — Ông Tổng Giám đốc Ngân hàng Quốc gia Việt-nam, các ông Bộ trưởng Bộ Thương nghiệp, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Hà-nội, ngày 13 tháng 12 năm 1955

Thủ tướng Chính phủ
PHẠM-VĂN-ĐỒNG

NGHỊ ĐỊNH số 650-TTq ngày 30-12-1955 đặt các thang lương để sắp xếp cán bộ, nhân viên và công nhân các cơ quan, xí nghiệp Chính phủ và doanh nghiệp quốc gia.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Chiếu sắc lệnh số 76-SL ngày 20 tháng 5 năm 1950 ấn định quy chế công chức và sắc lệnh số 77-SL ngày 22 tháng 5 năm 1950 ấn định quy chế công nhân giúp việc Chính phủ;

Chiếu các sắc lệnh số 81-SL, 82-SL, 83-SL, 91-SL, 92-SL, 94-SL và 98-SL ngày 22 tháng 5 năm 1950 ấn định thang lương và mức lương của công nhân và nhân viên giúp việc Chính phủ;

Đề khuyến khích cán bộ, công nhân, nhân viên tích cực sản xuất, và tăng hiệu suất công tác, đồng thời để bước đầu cải thiện sinh hoạt cho cán bộ, công nhân và nhân viên giúp việc Chính phủ;

Theo đề nghị của Bộ Lao động, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính;

Theo nghị quyết của Hội đồng Chính phủ, sau khi Ban thường trực Quốc hội thỏa thuận,

Nghị định:

Thang lương chung

Điều 1. — Tất cả cán bộ dân cử, cán bộ nhân viên hành chính, cán bộ nhân viên kỹ thuật và công nhân làm việc ở các cơ quan, các xí nghiệp Chính phủ và doanh nghiệp quốc gia, đều xếp vào 4 thang lương chung kèm theo nghị định này:

1) Thang lương 17 bậc: Đề xếp tất cả cán bộ dân cử (từ bậc 13 đến bậc 1). Cán bộ và nhân viên hành chính các cơ quan (từ bậc 17 đến bậc 6).

2) Thang lương 11 bậc: Đề xếp tất cả cán bộ và nhân viên kỹ thuật làm công tác kỹ thuật ở các cơ quan, xí nghiệp Chính phủ và doanh nghiệp quốc gia.

3) Thang lương 8 bậc: Đề xếp tất cả công nhân ở các xí nghiệp Chính phủ, doanh nghiệp quốc gia và ở các cơ quan.

4) Thang lương 6 bậc: Đề xếp tất cả lao động thường ở các xí nghiệp Chính phủ và doanh nghiệp quốc gia.

Mức lương thấp nhất và cao nhất

Điều 2. — Lương thấp nhất định là 26.000 đồng một tháng.

— Lương cao nhất của thang lương 17 bậc gấp 6,15 lần lương thấp nhất. Tính mức lương bậc 6 là lương cao nhất của cán bộ và nhân viên hành chính thì gấp 2,65 lần lương thấp nhất.

— Lương cao nhất của thang lương 11 bậc gấp 3,00 lần lương thấp nhất.

— Lương cao nhất của thang lương 8 bậc gấp 2,10 lần lương thấp nhất.

— Lương cao nhất của thang lương 6 bậc gấp 1,40 lần lương thấp nhất.

Mức lương của các bậc trong các thang lương định bằng chỉ số. Chỉ số của lương thấp nhất là 100.

Các mức lương và thang lương riêng của công nhân, của cán bộ và nhân viên kỹ thuật

Điều 3. — Đề phân biệt về mức lương đối với: công nhân, cán bộ và nhân viên kỹ thuật, căn cứ vào thứ tự quan trọng và tính chất nghề nghiệp của các ngành:

sản xuất hiện tại, nay chia ra làm 5 loại sản nghiệp như sau:

— Loại 1: gồm các loại mỏ.

— Loại 2: hóa chất, điện, chế tạo máy móc, quân giới, giao thông đường biển, đường sắt, xi-măng, chế biến phốt-phát.

— Loại 3: Kiến trúc, cầu đường, vô tuyến điện, khí tượng, nước, vận tải ô-tô, thủy lợi, điện tín, giao thông sông (ca-nô), lâm nghiệp, xe điện.

— Loại 4: Dệt, giấy, da, điện ảnh, in, chế tạo gỗ, chế biến dược phẩm.

— Loại 5: Chế biến thực phẩm, chè, thuốc lá, xá phòng, quốc doanh nông nghiệp.

Mức lương của từng loại theo như những bảng thang lương 11 bậc và 8 bậc.

Điều 4. — Trong mỗi loại sản nghiệp, sẽ căn cứ vào tính chất và quy mô sản xuất để chia ra các hạng xí nghiệp.

Căn cứ vào loại, hạng của xí nghiệp và dựa vào các thang lương chung 8 bậc và 11 bậc, Bộ Lao động sẽ cùng Bộ sở quan định thang lương và mức lương riêng cho từng hạng xí nghiệp.

Thang lương và mức lương này chỉ áp dụng cho những cán bộ, công nhân, nhân viên chủ yếu, là những người trực tiếp phục vụ cho sản xuất của xí nghiệp.

Phụ cấp khu vực

Điều 5. — Để chiếu cố đến tình hình sinh hoạt ở thủ đô, cán bộ, công nhân, nhân viên ở Hà-nội được lĩnh một khoản phụ cấp khu vực bằng 5,8% lương bản thân.

Đối với những địa phương mà điều kiện sinh hoạt và hoàn cảnh công tác khó khăn (như một số châu thuộc Khu tự trị Thái — Mèo) thì Bộ Lao động, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính sẽ quy định một khoản phụ cấp khu vực thích hợp.

Điều 6. — Dựa theo thang lương 17 bậc, Bộ Lao động sẽ cùng các Bộ sở quan, căn cứ vào đặc điểm sản xuất của từng xí nghiệp mà định thang lương riêng cho cán bộ, nhân viên hành chính và quản trị ở các xí nghiệp.

Điều 7. — Những thợ chuyên môn như thợ mộc, thợ nề, tài xế, thợ máy nổ, v.v... làm việc ở các cơ quan, nếu làm đúng nghề của mình thì được xếp theo loại sản nghiệp thứ 5 nói ở điều 3.

Điều 8. — Công nhân, nhân viên và lao động thường làm việc ở các doanh nghiệp quốc gia mới khôi phục hoặc mới xây dựng cũng được xếp vào các thang lương định ở điều 1. Nhưng về mức lương thì các Bộ sở quan sẽ cùng Bộ Lao động và Bộ Tài chính ấn định sau.

Điều 9. — Công nhân lưu dụng ở các xí nghiệp và doanh nghiệp quốc gia cũng xếp vào thang lương 8 bậc định ở điều 1. Sau khi sắp xếp, nếu mức lương mới thấp hơn lương hiện lĩnh, thì được tiếp tục hưởng lương hiện lĩnh. Nếu mức lương mới cao hơn, thì được hưởng theo mức lương mới.

Điều 10. — Các Bộ Lao động, Nội vụ, Tài chính sẽ quy định các chi tiết thi hành nghị định này.

Điều 11. — Những điều quy định trước đây trái với nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 12. — Các ông Bộ trưởng thi hành nghị định này.

Hà-nội, ngày 30 tháng 12 năm 1955

Thủ tướng Chính phủ
PHẠM-VĂN-ĐỒNG

NGHỊ ĐỊNH SỐ 651-TTg ngày 30-12-1955, định chế độ lương của công nhân làm việc ở các công trường

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Theo nghị quyết của Hội đồng Chính phủ ngày 15 tháng 12 năm 1955;

Căn cứ vào tính chất công việc và điều kiện làm việc của công nhân và nhân viên ở các công trường;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động và Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Nghị định:

Điều 1. — Kể từ ngày 1 tháng 12 năm 1955 mức lương ấn định chung cho công nhân làm việc trên các công trường là 27.000 đồng một tháng.

Dựa vào mức lương 27.000 đồng này, các Bộ sở quan sẽ cùng Bộ Lao động, Bộ Tài chính, căn cứ vào tính chất công việc của các loại lao động trên các công trường, mà định những mức lương thích hợp để khoán việc, hoặc mượn công nhật cho từng loại. Những mức lương này có thể cao hơn 27.000 đồng một tháng.

Đối với một số công việc nhẹ ở các công trường (như đan sọt làm quang gánh, v.v...) mức lương có thể định ngang với mức lương thấp nhất là 26.000 đồng một tháng.

Điều 2. — Ngoài lương bản thân, những cán bộ phụ trách các bộ phận công tác ở các công trường được hưởng thêm một khoản phụ cấp chức vụ do Bộ sở quan cùng với Bộ Lao động và Bộ Tài chính ấn định.

Điều 3. — Những quyền lợi về xã hội như trợ cấp khi ốm đau, khi bị tai nạn lao động, v.v... áp dụng chung cho các loại công nhân trên công trường. Những phụ cấp đặc biệt như cho công nhân miền Nam, v.v... sẽ do Liên Bộ Lao động—Tài chính quy định.

Điều 4. — Các thẻ lệ trái với nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 5. — Các ông Bộ trưởng Bộ Lao động, Bộ Tài chính và các Bộ sở quan chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà-nội, ngày 30 tháng 12 năm 1955

Thủ tướng Chính phủ
PHẠM-VĂN-ĐỒNG